

Chương 2

ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945 - 1975)

Chương này cung cấp cho sinh viên hệ thống những nội dung cơ bản về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, thời kỳ 1945-1975. Từ đó giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn thực tiễn lịch sử và những kinh nghiệm rút ra từ quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đoàn kết của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Trên cơ sở đó trang bị kỹ năng tìm chọn tài liệu nghiên cứu, năng lực phân tích sự kiện, phương pháp đúc rút kinh nghiệm lịch sử về sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng và ý thức phê phán những nhận thức sai trái về lịch sử của Đảng.

I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)

Nội dung giai đoạn 1945-1954 được sơ đồ hóa như sau:



1. Đảng lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)

a. Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Thuận lợi:

Quốc tế: Sau chiến tranh thế giới thứ II, Liên Xô trở thành thành trì của CNXH. Nhiều nước được sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô đã lựa chọn theo con đường CNXH. Phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở các nước thuộc địa châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh.

Trong nước: Việt Nam trở thành quốc gia có chủ quyền; nhân dân ta được quyền tự do. Đảng cộng sản Đông Dương trở thành Đảng cầm quyền, lãnh đạo

cách mạng cả nước. Hệ thống chính quyền cách mạng thống nhất từ Trung ương đến cơ sở.

Khó khăn:

Thế giới: Phe đế quốc chủ nghĩa nuôi dưỡng âm mưu mới nhằm “chia lại hệ thống thuộc địa trên thế giới”, ra sức tấn công, đàn áp phong trào cách mạng.

Trong nước: *Về chính trị:* hệ thống chính quyền còn rất non trẻ, thiếu thốn, yếu kém về nhiều mặt; *Về kinh tế:* hậu quả của chế độ cũ để lại hết sức nặng nề, sự tàn phá của nạn lũ lụt, nạn đói năm 1945 rất nghiêm trọng. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp quản một nền kinh tế xơ xác, tiêu điều, công nghiệp đình đốn, nông nghiệp bị kìm hãm, 50% ruộng đất bị bỏ hoang. Nền tài chính, ngân khố kiệt quệ, kho bạc trống rỗng; *Về văn hóa - xã hội:* các hủ tục lạc hậu, thói hư, tật xấu, tệ nạn xã hội chưa được khắc phục, 95% dân số thất học, mù chữ; *Về ngoại giao:* Chưa có nước nào trên thế giới công nhận địa vị pháp lý Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa; *Về quân sự:* Lực lượng mỏng, chưa có nhiều kinh nghiệm...

Trong tháng 9-1945, theo sự thỏa thuận của phe Đồng Minh, hai vạn quân đội Anh - Án đổ bộ vào Sài Gòn làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật. Quân đội Anh đã trực tiếp bảo trợ, sử dụng quân đội Nhật giúp sức quân Pháp ngang nhiên nổ súng đánh chiếm Sài Gòn vào rạng sáng ngày 23-9-1945, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ 2 của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Cùng thời điểm đó, ở vĩ tuyến 16, theo thỏa thuận hiệp ước Potsdam (Đức), từ cuối tháng 8-1945 hơn 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch tràn qua biên giới kéo vào Việt Nam dưới sự bảo trợ và ủng hộ của Mỹ với danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, kéo theo là lực lượng tay sai Việt Quốc, Việt Cách với âm mưu thâm độc “diệt Cộng, cầm Hồ”, chống phá Việt Minh. Khoảng 6 vạn quân đội Nhật hoàng bại trận đang chờ giải giáp.

Chưa bao giờ cùng một lúc trên đất nước ta có nhiều kẻ thù và đội quân nước ngoài đông như vậy, tổng số khoảng gần 30 vạn quân. Nền độc lập của Tổ quốc bị đe dọa nghiêm trọng; vận mệnh chính quyền cách mạng như “ngàn cân treo sợi tóc”.

b. Đảng lãnh đạo xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng

Chủ trương của Đảng:

Ngày 03-9-1945, Chính phủ lâm thời họp phiên đầu tiên dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định nhiệm vụ lớn trước mắt là: diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm.

Ngày 25-11-1945 Ban chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc”. Nội dung của Chỉ thị:

+ Xác định kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng.

+ Mục tiêu cách mạng của Đông Dương lúc này vẫn là giải phóng dân tộc và đề ra khẩu hiệu “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”.

+ Xác định các biện pháp cụ thể cần thực hiện cấp bách trước mắt: xúc tiến bầu cử Quốc hội; thành lập Chính phủ chính thức, lập ra Hiến pháp, động viên lực lượng toàn dân kháng chiến và chuẩn bị kháng chiến lâu dài; kiên định nguyên tắc độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế với phương châm cơ bản là “Thêm bạn, bớt thù”, “Hoa - Việt thân thiện”, “Nhân nhượng có nguyên tắc”... Đối với Pháp “độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế”.

Bản Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” đã thể hiện tầm nhìn chiến lược, nhận quan chính trị sâu sắc của Đảng. Chỉ thị thể hiện sự sáng tạo trong việc giải quyết chỉ đạo chiến lược và sách lược trong tình hình mới (chiến lược ở đây được hiểu là chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, còn sách lược ở đây là những biện pháp cụ thể có tính mềm dẻo, khôn khéo, giải pháp mang tính tạm thời nhưng vẫn hướng tới mục tiêu chiến lược đó là giải phóng dân tộc). Chỉ thị có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ nền độc lập tự do của Tổ quốc, bảo vệ Nhà nước dân chủ nhân dân - thành quả cao nhất của Cách mạng tháng Tám 1945, tạo tiền đề đưa cách mạng Việt Nam tiến lên.

Đảng chỉ đạo xây dựng chế độ mới và củng cố chính quyền:

Chống giặc đói, đẩy lùi nạn đói là một nhiệm vụ lớn, quan trọng, cấp bách lúc bấy giờ. Các phong trào lớn: Tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm; lập hũ gạo tiết kiệm và phát động các cuộc vận động lớn Quỹ độc lập, Quỹ đảm phụ quốc phòng, Quỹ Nam Bộ kháng chiến... Chính phủ bãi bỏ thuế thân và nhiều thứ thuế vô lý của chế độ cũ bị xóa bỏ, thực hiện chính sách giảm tô 25%; ngân quỹ quốc gia được xây dựng lại, phát hành đồng giấy bạc Việt Nam... Nhờ đó đầu năm 1946 nạn đói cơ bản được đẩy lùi, đời sống nhân dân ổn định, tinh thần dân tộc được phát huy cao độ.

Chống giặc đốt, xóa nạn mù chữ được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng, thể hiện tính ưu việt của chế độ mới, góp phần tích cực xây dựng hệ thống chính quyền cách mạng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đảng phát động phong trào “Bình dân học vụ”, toàn dân học chữ quốc ngữ để từng

bước xóa bỏ nạn đói, vận động toàn dân xây dựng nếp sống mới, đổi sống văn hóa mới để đẩy lùi các tệ nạn, hủ tục, thói quen cũ, lạc hậu cản trở tiến bộ.

Các trường học từ cấp tiểu học trở lên lần lượt khai giảng năm học mới; thành lập Trường Đại học Văn khoa Hà Nội. Đến cuối năm 1946, cả nước đã có hơn 2,5 triệu người dân biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ. Đời sống tinh thần của một bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt, nhân dân tin tưởng vào chế độ mới, nêu cao quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng.

Xây dựng hệ thống chính trị:

Bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp: Ngày 06-01-1946, cả nước tham gia cuộc bầu cử Quốc hội (có hơn 89% số cử tri đã đi bỏ phiếu dân chủ lần đầu tiên, đồng bào Nam Bộ và một số nơi đi bỏ phiếu dưới làn đạn của giặc Pháp nhưng tất cả đều thể hiện rõ tinh thần “mỗi lá phiếu là một viên đạn bắn vào quân thù”.

Chính phủ được thành lập trong phiên họp đầu tiên của Quốc hội khóa I (2-3-1946). Chính phủ chính thức, gồm 10 bộ và kiện toàn nhân sự bộ máy Chính phủ do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Các địa phương cũng tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và kiện toàn Ủy ban hành chính các cấp.

Ngày 09-11-1946 Quốc hội thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

Ngày 24/01/1946 Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã ban hành Sắc lệnh số 13 về tổ chức các Toà án và các ngạch Thẩm phán. Theo đó, đã thành lập hệ thống Toà án thường (sau này được đổi tên thành Tòa án nhân dân), bao gồm: các Toà án sơ cấp (ở huyện), các Toà án đệ nhị cấp (ở tỉnh) và ba Toà Thượng thẩm (ở Bắc bộ, Trung bộ và Nam bộ).

Thành lập các tổ chức chính trị - xã hội: Mặt trận dân tộc thống nhất tiếp tục được tăng cường, Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập, thành lập Hội đồng cố vấn Chính phủ, thành lập thêm một số đoàn thể xã hội mới, tiếp tục củng cố các tổ chức đoàn thể của Mặt trận Việt Minh.

Phát triển lực lượng vũ trang: được củng cố, tổ chức lại và ngày càng phát triển: tích cực mua sắm vũ khí, tích trữ lương thực, thuốc men, củng cố các cơ sở và căn cứ địa cách mạng cả ở miền Bắc, miền Nam. Cuối năm 1946, Việt Nam có hơn 8 vạn bộ đội chính quy, hơn 1 triệu bộ đội địa phương. Lực lượng công an được tổ chức đến cấp huyện, hàng vạn dân quân, tự vệ được tổ chức ở cơ sở từ Bắc chí Nam.

c. Đảng tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ và đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ

Sáng ngày 23-9-1945, Ủy ban kháng chiến và đại diện Tổng bộ Việt Minh đề ra chủ trương hiệu triệu nhân dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Nhân dân các tỉnh Nam Bộ đã nêu cao tinh thần chiến đấu “thà chết tự do còn hơn sống nô lệ”, nhất loạt đứng lên dùng các loại vũ khí thô sơ, tự tạo, gậy tầm vông, giáo mác để chống trả hành động xâm lược của thực dân Pháp.

Chính phủ Hồ Chí Minh và nhân dân miền Bắc nhanh chóng hưởng ứng và kịp thời chi viện, chia lửa với đồng bào Nam Bộ kháng chiến. Ngày 26-9-1945 những chi đội đầu tiên ưu tú nhất của quân đội, được trang bị vũ khí tốt nhất đã lên đường vào Nam chi viện cho Nam Bộ.

Để làm thất bại âm mưu “diệt Cộng, cầm Hồ, phá Việt Minh” của quân Tưởng và tay sai, Đảng ta chủ trương thực hiện chiến lược “triệt để lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù, hòa hoãn, nhân nhượng có nguyên tắc” với quân Tưởng. Đảng chủ trương rút vào hoạt động bí mật, đồng ý cung cấp lương thực, thực phẩm cần thiết cho 20 vạn quân Tưởng, cho sử dụng tiền Quan kim, Quốc tệ song hành cùng đồng bạc Đông Dương, bổ sung thêm 70 ghế Quốc hội không qua bầu cử cho một số đảng viên của Việt cách, Việt quốc...

Ngày 28-2-1946, Hiệp ước Hoa - Pháp được kí kết, theo đó Pháp đưa quân đội ra vĩ tuyến 16 làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật thay thế 20 vạn quân Tưởng rút về nước hạn cuối cùng là ngày 31-3-1946. Đổi lại Pháp sẽ nhượng lại cho Tưởng nhiều quyền lợi quan trọng ở Trung Quốc và Việt Nam.

Ngày 6-3-1946, “*Hiệp định sơ bộ*” được kí kết giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với đại diện Chính phủ Cộng hòa Pháp tại Hà Nội là J.Xanthony (Jean Sainteny)

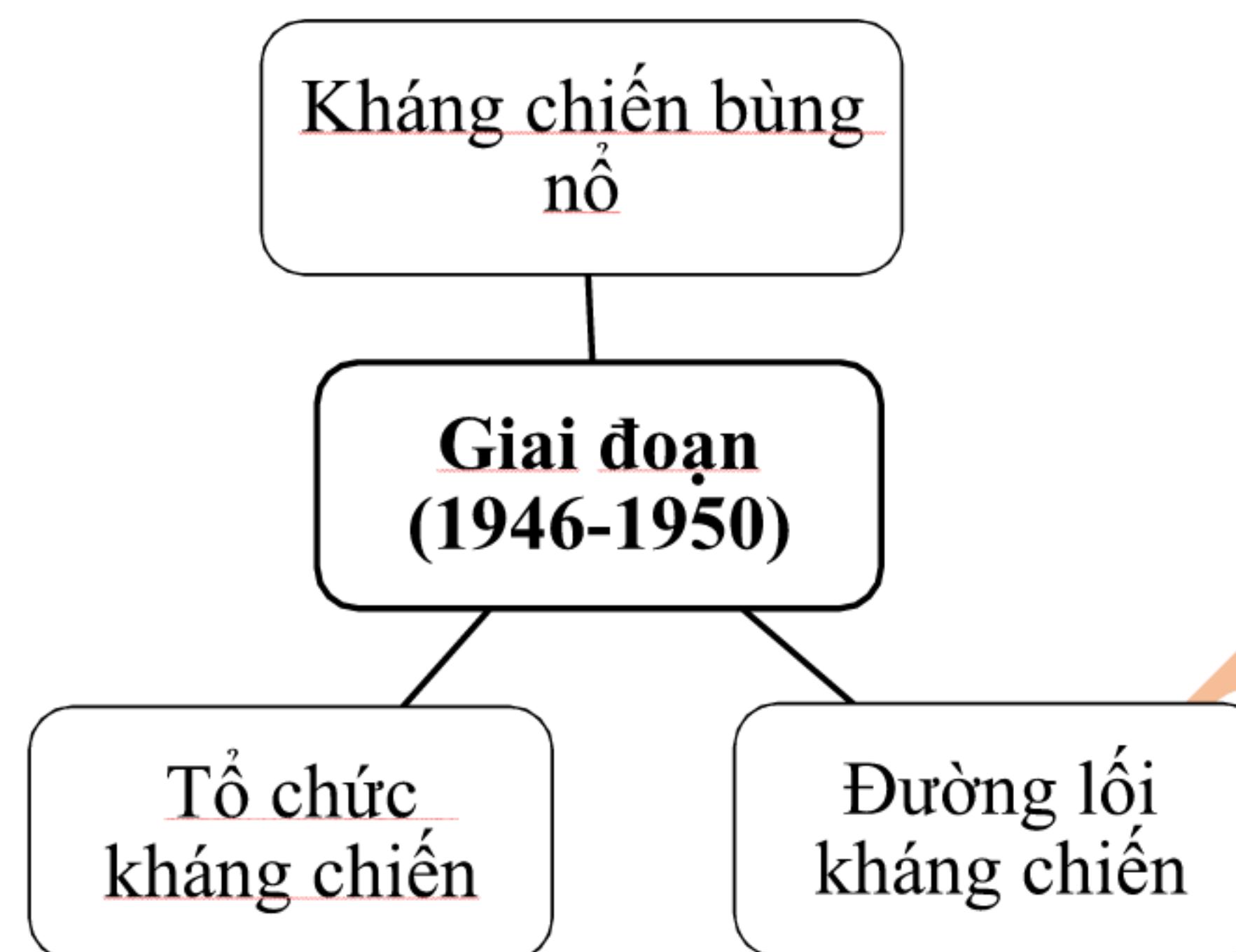
Nội dung cơ bản của bản Hiệp định: Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, tài chính và quân đội riêng nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc khối Liên hiệp Pháp; về phía Việt Nam đồng ý để 15.000 quân đội Pháp ra miền Bắc thay thế 20 vạn quân đội Tưởng rút về nước và sẽ rút dần trong thời hạn 5 năm; hai bên sẽ tiếp tục tiến hành đàm phán chính thức để giải quyết mối quan hệ Việt - Pháp...

Ngày 9-3-1946, Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Hòa để tiến”

Ngày 14-9-1946, Việt Nam và Pháp kí bản “Tạm ước” tại Mác-xây, Việt Nam đồng ý nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, văn hóa

ở Việt Nam, hai bên ký cam kết đình chỉ chiến sự ở Nam Bộ và tiếp tục đàm phán...

2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950



a. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ

Cuối tháng 10-1946, tình hình chiến sự ở Việt Nam ngày càng căng thẳng, nguy cơ cuộc chiến tranh giữa Việt Nam và Pháp tăng dần.

Cuối tháng 11-1946, thực dân Pháp mở cuộc tấn công vũ trang đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn tiếp đó là đóng chiếm trái phép ở Đà Nẵng, Hải Dương, tấn công vào vùng tự do ở Nam Trung Bộ, Nam Bộ.

Ngày 16 và 17-12-1946, quân đội Pháp ở Hà Nội ngang nhiên tấn công chiếm đóng trụ sở Bộ Tài Chính, Bộ Giao thông của ta, bắn đại bác gây ra vụ thảm sát đồng bào Hà Nội ở phố Yên Ninh, Hàng Bún. Ngày 18-12-1946, đại diện Pháp ngang nhiên đơn phương tuyên bố cắt đứt mọi liên hệ với Chính phủ Việt Nam, đưa liên tiếp ba tối hậu thư đòi phia Việt Nam phải giải giáp, giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, đòi độc quyền thực thi nhiệm vụ kiểm soát, giữ gìn an ninh, trật tự của thành phố.

Như vậy, thiện chí hòa bình của Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã bị thực dân Pháp thăng thừng cự tuyệt. Vì vậy, Đảng và nhân dân Việt Nam chỉ còn một sự lựa chọn duy nhất là cầm súng đứng lên chống lại thực dân Pháp xâm lược để bảo vệ nền độc lập và chính quyền cách mạng; bảo vệ những thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám vừa giành được. Hơn nữa trong hơn một năm chuẩn bị, Đảng và nhân dân ta đã tích cực chuẩn bị được những điều kiện cơ bản cho phép Việt Nam tiến hành kháng chiến.

Vì vậy, tại Hà Nội, vào lúc 20 giờ 3 phút ngày 19-12-1946, ở pháo đài Láng, loạt đại bác đầu tiên đã bắn vào thành Hà Nội, báo hiệu cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu.

b. Đường lối kháng chiến của Đảng

Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng được hình thành, bổ sung, phát triển qua thực tiễn cách mạng Việt Nam trong những năm 1945 đến 1947. Đường lối đó được thể hiện trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng như: Lời kêu gọi, bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh. Trong đó đường lối tập trung ở các văn kiện sau: *Chỉ thị kháng chiến kiến quốc* (25-11-1945); *Chỉ thị tình hình và chủ trương* (3-3-1946); Chỉ thị “*Hòa để tiến*” (9-3-1946); Chỉ thị “*Toàn dân kháng chiến*” (12-12-1946); “*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946); Tác phẩm “*Kháng chiến nhất định thắng lợi*” của đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh (8-1947). Nội dung cụ thể như sau:

Tính chất của cuộc kháng chiến của nhân dân ta là chính nghĩa, chống lại chiến tranh xâm lược phi nghĩa của thực dân Pháp.

Mục tiêu của cuộc kháng chiến là đánh đổ thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập, tự do, thống nhất hoàn toàn. Đây là hình thức tiếp tục sự nghiệp cách mạng của dân tộc, dân chủ nhân dân vì nền tự do dân chủ, góp phần bảo vệ hòa bình thế giới.

Phương châm cơ bản của đường lối kháng chiến là:

- + Kháng chiến toàn dân là đem toàn bộ sức dân, tài dân, lực dân, động viên toàn dân tích cực tham gia kháng chiến, mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi đường phố là một mặt trận.

- + Kháng chiến toàn diện là đánh địch trên mọi lĩnh vực, mọi mặt trận không chỉ bằng quân sự mà cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, ngoại giao trong đó mặt trận quân sự giữ vai trò quyết định.

- + Kháng chiến lâu dài là quá trình vừa đánh tiêu hao lực lượng địch vừa xây dựng, phát triển lực lượng của ta, lấy thời gian là lực lượng chuyển hóa yếu thành mạnh.

- + Kháng chiến dựa vào sức mình là chính phải lấy nguồn nội lực của dân tộc, phát huy nguồn sức mạnh vật chất, tinh thần vốn có của nhân dân làm chỗ dựa chủ yếu của cuộc tranh đấu nhân dân.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến và đường lối kháng chiến của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, trở thành ngọn cờ dẫn đường, chỉ lối, động viên toàn Đảng, toàn dân ta tiến tới giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

c. Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950

Cuối năm 1947, tổng số Đảng viên toàn Đảng tăng lên đến 70.000 người. Bộ đội chính quy phát triển lên hơn 12 vạn quân, lực lượng dân quân tự vệ phát triển lên đến 1 triệu người. Đảng tiếp tục chủ trương đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, tự cấp, tự túc lương thực, đảm bảo đời sống cho bộ đội và nhân dân. Duy trì phong trào bình dân học vụ, dạy và học của các trường phổ thông các cấp.

Về quân sự: Thu Đông năm 1947, Pháp đã huy động khoảng 15.000 quân (lục quân, hải quân, không quân) thành 3 mũi tiến công chính lên vùng ATK Việt Bắc (viết tắt của an toàn khu, là khu vực mà Quân đội nhân dân Việt Nam giành được quyền kiểm soát gần như tuyệt đối trong thời gian chiến tranh chống Pháp)

Ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị “phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”. Chỉ thị nêu rõ quyết tâm của quân và dân ta, vạch ra thế yếu của địch và đề ra các nhiệm vụ quân sự cho các chiến trường, trong đó chỉ rõ phải ra sức phát động mạnh mẽ cuộc chiến tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ; chặn đứt giao thông, bao vây không cho địch tiếp tế, liên lạc tiếp ứng cho nhau; tổ chức cuộc chiến tranh nhân dân đồng loạt đánh địch trên tất cả các hướng tiến công của địch cả trên mặt trận đường bộ và đường sông.

Sau 75 ngày đêm chiến đấu liên tục (từ ngày 7-10 đến 21-12-1947) quân và dân ta đã chiến đấu vô cùng oanh liệt, thông minh, sáng tạo, anh dũng tuyệt vời, lần lượt bẻ gãy các mũi tiến công nguy hiểm của giặc Pháp, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, phá hủy hàng trăm xe cơ giới, tàu xuồng và nhiều phương tiện chiến tranh khác.

Ngày 01-10-1949, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) ra đời, làm thay đổi cán cân so sánh lực lượng giữa hai phe dân chủ và tư bản chủ nghĩa, tạo ra lợi thế cho phong trào cách mạng thế giới. Nước Pháp khủng hoảng kéo dài, cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương bế tắc, phải đối mặt với nhiều khó khăn, mâu thuẫn nảy sinh, thế chiến lược của Pháp ở Đông Dương bị đảo lộn...

Đảng tiếp tục đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện nhằm làm thất bại một bước âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh và kế hoạch “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt của thực dân Pháp”.

Trên mặt trận ngoại giao, Đảng và Chính phủ chủ trương tích cực tranh thủ mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trong phe XHCN. Đầu năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Trung Quốc và Liên Xô, sau đó Trung Quốc, Liên Xô, các nước Đông Âu, Triều Tiên công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta.

Tháng 11-1949, chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành kí Sắc lệnh về nghĩa vụ quân sự. Trong quân đội có cuộc vận động “luyện quân lập công”, phong trào thi đua “rèn cán, chỉnh quân”. Đầu năm 1950, lực lượng cơ động của ta hơn hẳn địch, viện trợ quân sự của Trung Quốc cũng góp một phần tăng cường, cải thiện trang bị cho bộ đội, Từ cuối năm 1950, Đảng quyết định tạm ngừng phát triển Đảng để củng cố vì phát hiện ở nhiều nơi việc phát triển Đảng mắc sai lầm về tiêu chuẩn Đảng viên.

Trong vùng địch tạm chiến, Đảng chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh phát triển chiến tranh du kích để biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta. Tại nhiều địa phương quân và dân đã đánh phối hợp, phục kích có những chiến thắng giòn giã như trận La Ngà, Nghĩa Lộ (3-1948), Tầm Vu, Đông Dương (4-1948).

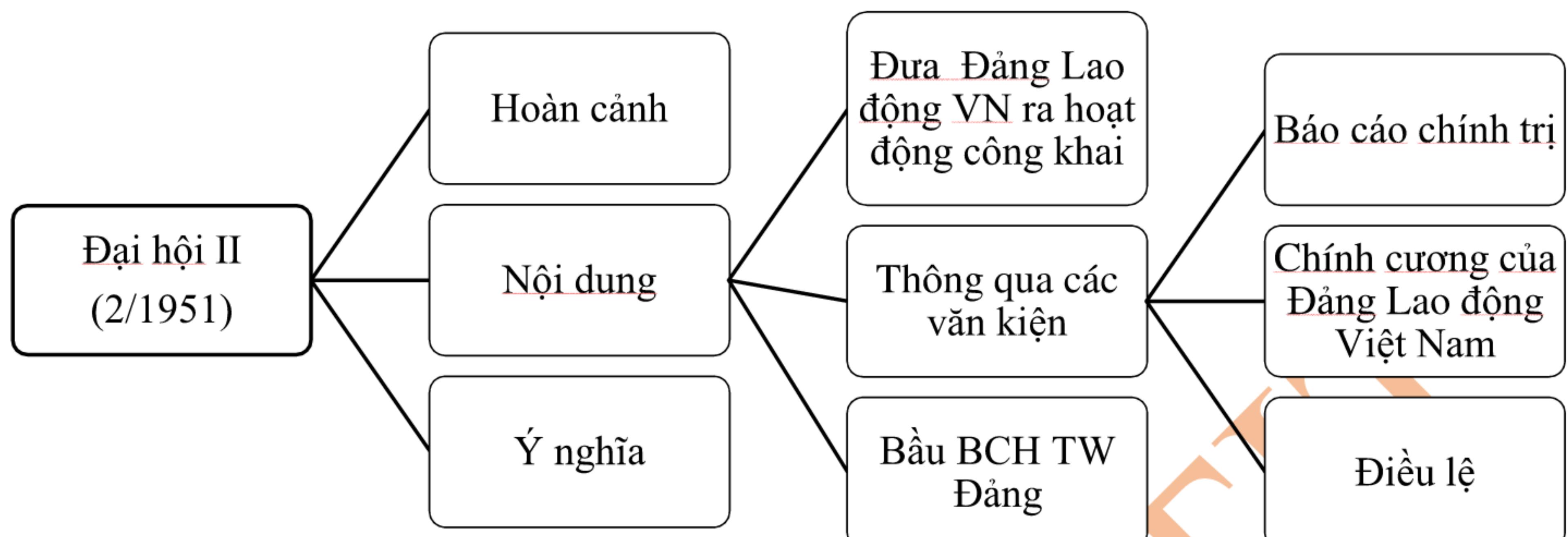
Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương để tìm kiếm cơ hội thay thế Pháp.

Tại Nam Bộ địch thực hiện chiến thuật “mạng nhện” xây dựng hệ thống tháp canh dày đặc và gây nhiều khó khăn cho ta.

Từ giữa năm 1949, tướng Rove (Pháp) đề ra kế hoạch mở rộng chiếm đóng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, phong tỏa khóa chặt biên giới Việt Trung. Tháng 6-1950, ta mở chiến dịch quân sự lớn tiến công địch dọc tuyến biên giới Việt - Trung thuộc 2 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn (Chiến dịch Viên giới Thu đông 1950) nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tạo hành lang mở rộng quan hệ thông thương với Trung Quốc và các nước XHCN.

3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi từ năm 1951 đến 1954

a. *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951) và Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam*



Hoàn cảnh lịch sử

Liên Xô lớn mạnh về mọi mặt, các nước XHCN ở Châu Âu bước vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho hòa bình và phong trào cách mạng.

Mỹ trở thành đế quốc siêu cường trên quốc tế, tăng cường giúp Pháp can thiệp trực tiếp vào Đông Dương

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã giành những thắng lợi quan trọng, cách mạng ở Lào và Campuchia cũng có những bước chuyển tích cực

Từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951, Đảng triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II tại thôn Chinh, xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Tham dự đại hội có 158 đại biểu chính thức, 53 đại biểu dự khuyết. Đồng chí Trường Chinh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội thông qua nhiều văn kiện quan trọng, trong đó có báo cáo *Bàn về cách mạng Việt Nam*, đó là đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên CNXH. Nội dung của bản Báo cáo được phản ánh trong “*Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam*”

Nội dung cơ bản của Đại hội:

Do nhu cầu kháng chiến giai cấp công nhân và nhân dân mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia cần có một Đảng riêng, Đảng ta ra hoạt động công khai lấy tên Đảng là “Đảng Lao động Việt Nam”.

“Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam” được Đại hội thông qua gồm các nội dung sau:

- *Tính chất xã hội Việt Nam*: tính chất dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến. Cuộc kháng chiến để giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân chủ nhân dân với các thế lực phản động chính là chủ nghĩa đế quốc xâm lược.

- *Đối tượng chính* là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, cụ thể lúc này là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ. *Đối tượng phụ* là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động.

- *Nhiệm vụ cách mạng Việt Nam*: đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến làm cho người cày có ruộng.

- *Động lực của cách mạng Việt Nam* lúc này là: công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức và tư sản dân tộc; ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những giai cấp, tầng lớp và phân tử đó hợp thành nhân dân. Nền tảng của nhân dân là công, nông và lao động trí thức. Người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân.

- *Triển vọng phát triển của cách mạng Việt Nam* nhất định sẽ tiến lên CNXH đây là quá trình lâu dài.

Điều lệ mới của Đảng được Đại hội thông qua có 13 chương và 71 điều.

Ý nghĩa của Đại hội: Đại hội đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng, là “*Đại hội kháng chiến thắng lợi*”. Tuy nhiên, Đại hội còn hạn chế về nhận thức là mắc vào tư tưởng “tả” khuynh, giáo điều, rập khuôn máy móc.

b. *Đẩy mạnh phát triển kháng chiến về mọi mặt*

Về đấu tranh quân sự: Từ đầu năm 1951, Đảng chủ trương mở các chiến dịch tiến công quân sự quy mô tương đối lớn đánh vào các vùng chiếm đóng của địch ở địa bàn trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Tháng 12-1951, ta mở chiến dịch Hòa Bình và chiến dịch Tây Bắc ((từ 14-10 đến 10-12 năm 1952) nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phá âm mưu lập “Xứ Thái tự trị” của thực dân Pháp. Phát huy chiến thắng quân sự trong cả nước Đảng quyết định phối hợp với cách mạng Lào mở chiến dịch Thượng Lào giúp Chính phủ kháng chiến Lào giải phóng thêm đất đai và mở rộng căn cứ địa.

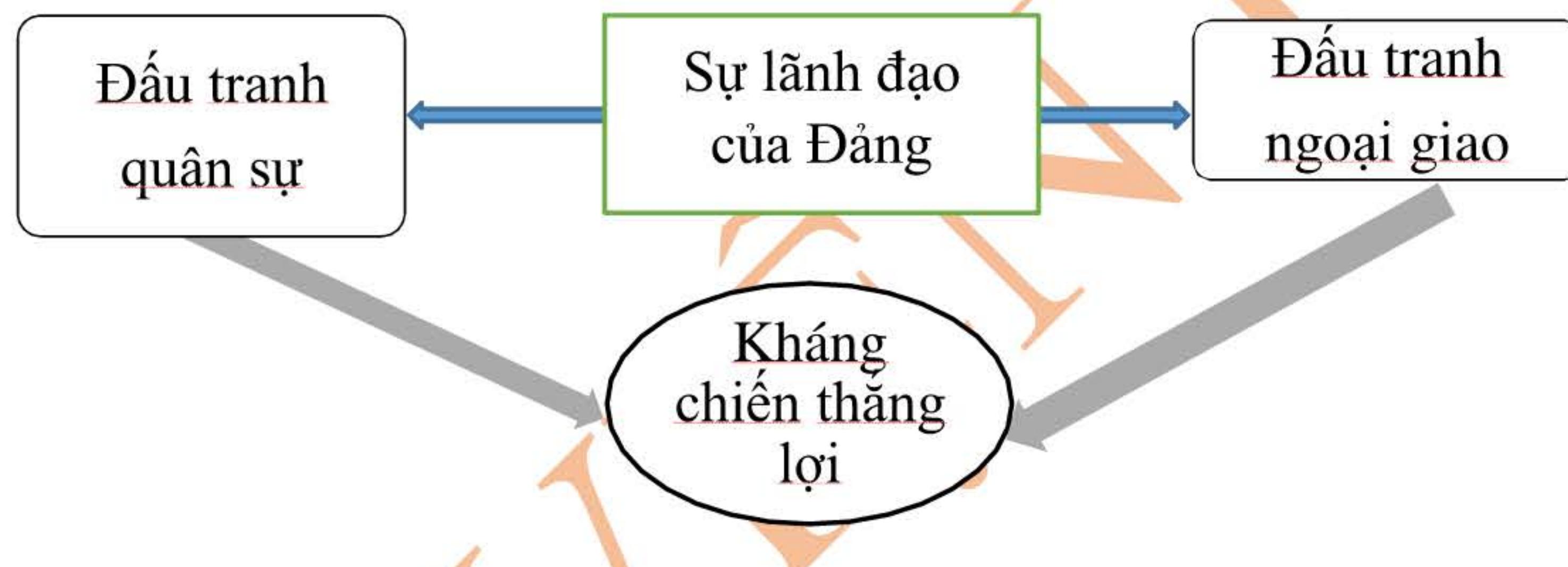
Trên mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội: tháng 4-1952, *Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ ba* của Đảng đề ra những quyết sách lớn về

công tác “chỉnh Đảng, chỉnh quân”. Cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, chấn chỉnh lại chế độ thuế khóa, tài chính.

Từ đầu năm 1953, Đảng chủ trương đẩy mạnh thực hiện cải cách dân chủ, phát động phong trào giảm tô, giảm tức tiến tới cải cách ruộng đất.

Ngày 4-12-1953, tại kì họp thứ 3 Quốc hội khóa I đã thông qua Luật cải cách ruộng đất và ngày 19-12-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành sắc lệnh “Luật cải cách ruộng đất”. Hàng nghìn hecta ruộng đất và các loại nông cụ, trâu bò, tư liệu sản xuất nông nghiệp đã được chia cho nông dân nghèo, nhất là bần cố nông. Song, do còn hạn chế trong nhận thức việc tiếp thu kinh nghiệm đấu tranh giai cấp của nước ngoài đã mắc vào giáo điều chủ nghĩa, vi phạm khuyết điểm nghiêm trọng là độc đoán, chuyên quyền, quan liêu, mệnh lệnh....

c. Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao, cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi



Đấu tranh quân sự: Đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ

Âm mưu của Pháp: Tháng 5-1953, Pháp cử tướng H  ngri Nava đang đảm nhiệm chức vụ Tổng tham mưu trưởng lục quân khối NATO sang làm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Tháng 7-1953, Nava đã vạch ra kế hoạch chính trị - quân sự mới lấy tên “Kế hoạch Nava” - dự kiến thực hiện trong 18 tháng nhằm chuyển bại thành thắng. Chi phí vật chất của kế hoạch này phần lớn do Mỹ thực hiện. Nava chọn Điện Biên Phủ thành trung tâm của kế hoạch. Đầu 1954, Điện Biên Phủ trở thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, một “pháo đài khổng lồ không thể công phá” được giới quân sự, chính trị Pháp - Mỹ đánh giá là “một cỗ máy để nghiền Việt Minh”.

Chủ trương của Đảng: Đảng chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954. Tháng 12-1953, Đảng xây dựng xong các kế hoạch tác chiến cụ thể cho các chiến trường. Ngày 06-12-1953, Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ và giao Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Tổng chỉ huy.

Nhằm phát huy sức mạnh của hậu phương, chi viện cho tiền tuyến, Đảng phát động phong trào quần chúng đấu tranh triệt để giảm tô, giảm túc và tiến hành cải cách ruộng đất. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng, không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà đối với quốc tế. Vì vậy, toàn dân, toàn quân, toàn Đảng phải tập trung hoàn thành cho kỳ được”²⁰.

Diễn biến: Với phương châm “đánh chắc, tiến chắc”, “đánh chắc thắng”, ngày 13-3-1954 quân ta nổ súng tấn công địch ở phân khu Bắc trung tâm Mường Thanh mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ.

Chiến dịch trải qua 56 ngày đêm với 3 đợt tiến công lớn: Đợt 1: Từ ngày 13 đến ngày 17-3-1954, Đợt 2: Từ ngày 30-3 đến ngày 30-4-1954, Đợt 3: Từ ngày 01-5 đến ngày 07-5-1954.

Kết quả: vào hồi 17h30 phút chiều ngày 07-5-1954 quân đội nhân dân Việt Nam đã đánh chiếm hàm chỉ huy, bắt sống tướng Christian de Castries chỉ huy trưởng và Bộ chỉ huy tập toàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc đã đưa cuộc Tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 và cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược đến thắng lợi vẻ vang.

Cùng với thắng lợi quân sự to lớn, vang dội ở Điện Biên Phủ, trên toàn chiến trường Đông Dương quân và dân ta cũng giành nhiều thắng lợi to lớn trên các mặt trận kinh tế, chính trị, quân sự ở cả vùng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, Bình Trị Thiên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Đấu tranh ngoại giao: Hiệp định Giơnevơ

Trước sự thất bại thảm hại ở Điện Biên Phủ, Chính phủ Pháp không còn sự lựa chọn nào khác, buộc phải đàm phán với Việt Nam tại Hội nghị Giơnevơ (Thụy Sĩ) bàn về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Ngày 08-5-1954 đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị với tư thế của một dân tộc chiến thắng. Tham dự Hội nghị có các nước: Việt Nam, Lào, Campuchia, Liên Xô, Trung Quốc, Mỹ, Anh, Pháp. Trong 75 ngày đàm phán căng thẳng gay go, phức tạp trải qua 8 phiên họp toàn thể và 23 phiên họp cấp trưởng đoàn. Cuối cùng Việt Nam đồng ý chấp nhận ký kết với Pháp bản Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam vào ngày 21-7-1954.

²⁰ Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp (12-1953).

Trong quá trình diễn ra Hội nghị, Mỹ đã gây sức ép buộc Pháp chấp nhận đưa Ngô Đình Diệm về nước thay Thủ tướng trong chính quyền Bảo Đại nhằm xây dựng một chính quyền thân Mỹ thay thế chính quyền thân Pháp. Mỹ thúc đẩy quyết tâm quá trình thay thế Pháp ở Việt Nam và Đông Dương. Hội nghị đã thông qua Bản Tuyên bố cuối cùng về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương có chữ ký của các bên (riêng phía đại diện Mỹ không ký nhưng tuyên bố cam kết tôn trọng Hiệp định).

Bản tuyên bố nêu rõ: Pháp và các nước tham dự cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Campuchia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, cam kết chấm dứt cuộc chiến tranh và lập lại hòa bình trên bán đảo Đông Dương, Vĩ tuyến 17 là biên giới tạm thời, Pháp ở phía Nam Việt Nam đến tháng 7-1956, sau đó rút khỏi Việt Nam để 2 miền Hiệp thương thống nhất đất nước.

Trên cơ sở thắng lợi về quân sự là chiến dịch Điện Biên Phủ và qua đấu tranh ngoại giao đã đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta. Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân đội về nước để Việt Nam giải quyết những vấn đề còn lại của dân tộc.

4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ

a. Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã bảo vệ và phát triển tốt các thành quả của cuộc cách mạng tháng Tám, củng cố phát triển chế độ dân chủ nhân dân trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội...

Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tạo tiền đề về chính trị - xã hội quan trọng để Đảng quyết định đưa miền Bắc quá độ lên CNXH, xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn, chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam có tính lan tỏa rộng lớn trong khu vực và mang tầm vóc thời đại sâu sắc. Lần đầu tiên trong lịch sử phong trào giải phóng dân tộc, một nước thuộc địa bé nhỏ đã đánh thắng một cường quốc thực dân nên có tác dụng cỗ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ ở các nước châu Á, Phi, Mỹ Latinh.

b. Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã khẳng định sự trưởng thành và thành công trong lãnh đạo của Đảng Lao động Việt

Nam về chỉ đạo chiến tranh giải phóng dân tộc và để lại nhiều bài học, kinh nghiệm quý báu:

Một là, Đảng đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn lịch sử của cuộc kháng chiến ngay từ những ngày đầu. Đường lối cơ bản là “Kháng chiến và kiến quốc”; kháng chiến toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh là chính. Tinh thần, khí phách đó đã khơi dậy và phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và mọi nguồn lực sáng tạo của các tầng lớp nhân dân tập trung vào nhiệm vụ chống thù trong giặc ngoài, thực hiện mục tiêu độc lập, dân chủ, tiến bộ trong suốt thời kỳ kháng chiến. Kết hợp sức mạnh nội lực của nhân dân Việt Nam với việc tranh thủ tối đa những điều kiện thuận lợi của quốc tế, phát huy có hiệu quả cao nhất sự ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng dân chủ, tiến bộ đối với cuộc kháng chiến.

Hai là, kết hợp chặt chẽ và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cơ bản vừa kháng chiến vừa kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến. Kháng chiến toàn diện trên các mặt trận, các lĩnh vực cả kinh tế, văn hóa, xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời ưu tiên đẩy mạnh hoạt động quân sự đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi quyết định. Kết hợp nhuần nhuyễn hình các thức đấu tranh trên các mặt trận, lấy quân sự làm nòng cốt, lấy xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân làm chỗ dựa, nền tảng để củng cố phát triển cơ sở hạ tầng chính trị - xã hội vững chắc, phát huy hiệu lực, hiệu quả sự lãnh đạo và tổ chức cuộc kháng chiến của Đảng, Chính phủ trên thực tế. Kháng chiến đi đôi với kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến, xây dựng hậu phương - căn cứ địa vững chắc luôn là những nhiệm vụ cơ bản, cùng đồng hành và là nội dung chủ yếu, xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến của Đảng Lao động Việt Nam.

Ba là, ngày càng hoàn thiện phương thức lãnh đạo, tổ chức điều hành cuộc kháng chiến phù hợp với đặc thù của từng giai đoạn. Phát triển các loại hình chiến tranh đúng đắn, sáng tạo phù hợp với đặc điểm của cuộc kháng chiến và so sánh lực lượng ta và địch, đó là loại hình chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện. Kết hợp chiến tranh chính qui với chiến tranh du kích ở cả mặt trận chính diện và vùng sau lưng địch, vùng tạm bị chiếm. Phát huy sở trường của ta và cách đánh địch sáng tạo, linh hoạt kết hợp với chỉ đạo chiến thuật tác chiến linh hoạt, cơ động, “đánh chắc, tiến chắc, chắc thắng”, thắng từng bước tiến lên giành thắng lợi quyết định.

Bốn là, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích một cách thích hợp, đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhiệm vụ chính trị - quân sự của cuộc kháng chiến. Xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, con người lực lượng vũ trang, nhất là Quân đội nhân dân, Công an nhân dân một cách đúng đắn, thích hợp. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trước hết và quan trọng nhất là về tư tưởng - chính trị, trở thành công cụ chuyên chính sắc bén, tin cậy, làm mũi nhọn, nòng cốt cho kháng chiến, làm chỗ dựa cho toàn dân đánh giặc. Đảng và quân đội đã xây dựng thành công hình ảnh “Anh Bộ đội Cụ Hồ” trong kháng chiến; xây dựng Công an nhân dân, mang bản chất giai cấp và tính nhân dân sâu sắc, công an là “bạn dân” theo tư tưởng thân dân của Hồ Chí Minh.

Năm là, coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với cuộc kháng chiến trên tất cả mọi lĩnh vực, mặt trận. Xây dựng, bồi đắp hình ảnh, uy tín của Đảng và Chính phủ phải bằng hành động thực tế, bằng sự nêu gương và vai trò tiên phong của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong quá trình tổ chức cuộc kháng chiến ở cả căn cứ địa-hậu phương và vùng bị địch tạm chiếm. Hết sức chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, động viên cao nhất, nhiều nhất mọi nguồn lực vật chất trong nhân dân, phát huy cao độ tinh thần, nghị lực của nhân dân; củng cố lòng tin vững chắc của nhân dân đối với thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến.

Trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải luôn nâng cao nhận thức chính trị - tư tưởng, chú ý khắc phục những khuynh hướng tư tưởng giáo điều “tả” khuynh, hữu khuynh, chủ quan, duy ý chí trong chỉ đạo, tổ chức cuộc kháng chiến, nhất là: tư tưởng chủ quan, nóng vội, coi thường sức mạnh của địch; tập trung cao độ vào nhiệm vụ quân sự, nhưng ít chú ý đúng mức đến nhiệm vụ xây dựng và kiến quốc; giải quyết hài hòa, thỏa đáng mối quan hệ giữa huy động sức dân với bồi dưỡng, nâng cao sức dân; học hỏi, tiếp thu, vận dụng kinh nghiệm của nước ngoài phải sáng tạo phù hợp với đặc điểm của Việt Nam. Trong công tác chỉnh đảng, chỉnh quân măc vào chủ nghĩa phần, đố ky trong công tác cán bộ... Những khuyết điểm này đã gây ra tác hại đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm giảm sút lòng tin trong nhân dân đối với Đảng và Chính phủ.

II. Đảng lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc và cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)

1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam - Bắc (1954-1965)

Sau ngày Hiệp định Ginevra (7-1954) được ký kết, cách mạng Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn mới:

Trên trường quốc tế:

Thuận lợi: hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, nhất là sự lớn mạnh của Liên Xô. Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển. Phong trào hòa bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản.

Bất lợi: đế quốc Mỹ hùng mạnh có âm mưu làm bá chủ thế giới, với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng được các đời Tổng thống Mỹ nối tiếp nhau xây dựng và thực hiện. Thế giới bước vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang. Xuất hiện sự bất đồng, chia rẽ trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc.

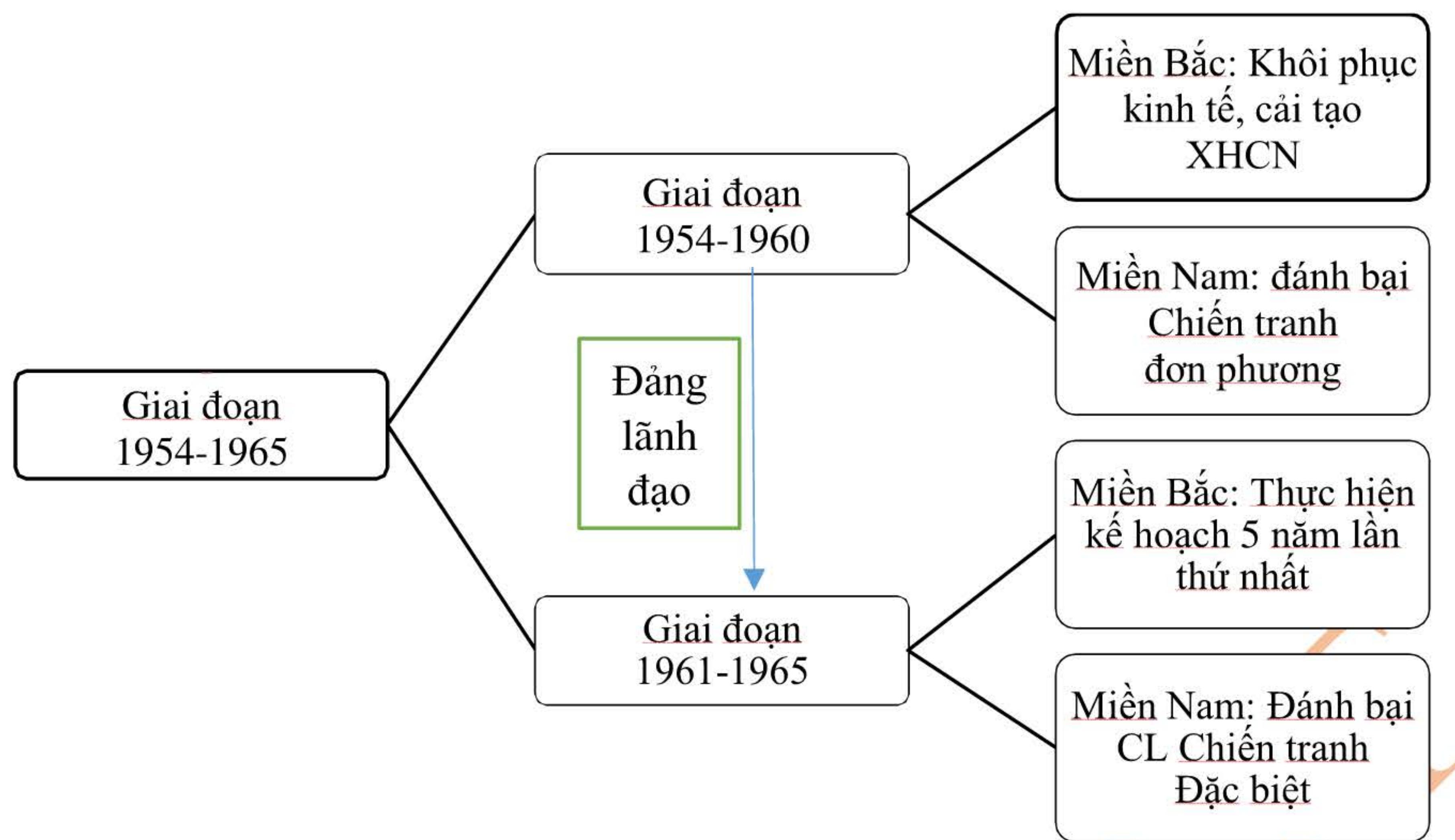
Ở trong nước:

Thuận lợi: miền Bắc được giải phóng, làm căn cứ địa hậu phương cho cả nước. Thế và lực của cách mạng đã lớn mạnh hơn trước, ý chí đấu tranh và bảo vệ nền độc lập thống nhất của nhân dân cả nước ngày càng cao.

Khó khăn: đất nước tạm thời chia cắt thành hai miền với chế độ chính trị khác nhau. Ở miền Nam, đế quốc Mỹ nhảy vào xâm chiếm, từng bước thực hiện âm mưu độc chiếm, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, lâu dài hòng tiêu diệt CNXH ở miền Bắc. Ở Miền Bắc: Kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, đời sống nhân dân khó khăn, hậu quả chiến tranh nặng nề.

Yêu cầu bức thiết đặt ra lúc này là Đảng phải vạch ra đường lối chiến lược đúng đắn để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên, phù hợp với tình hình mới của đất nước và phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại.

Trong bối cảnh đó, Đảng ta từng bước lãnh đạo xây dựng CNXH và đánh bại các âm mưu, thủ đoạn của Đế quốc Mỹ qua từng giai đoạn lịch sử



a. Khôi phục kinh tế, cải tạo XHCN ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954-1960)

❖ **Miền Bắc:** Khôi phục kinh tế, cải tạo XHCN

Đảng lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ trước mắt:

Chủ trương:

Hội nghị Bộ Chính trị tháng 9-1954 xác định phải hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân, trước hết là phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

Hội nghị lần thứ bảy (tháng 3-1955) và lần thứ tám (tháng 8-1955) Ban chấp hành Trung ương Đảng xác định nhiệm vụ: Đầu tranh buộc thực dân Pháp phải thực hiện Hiệp định Giơnevơ, rút quân khỏi miền Bắc, hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Quá trình thực hiện:

Với chủ trương và sự chỉ đạo kiên quyết, khéo léo của Đảng, sự ủng hộ của nhân dân, thực dân Pháp đã phải rút quân khỏi miền Bắc theo đúng Hiệp định. Cuộc đấu tranh này đã diễn ra hết sức khó khăn, phức tạp, bởi Pháp và tay sai đã dùng mọi âm mưu, thủ đoạn để chống phá, làm rối loạn xã hội và mất trật tự an ninh trước khi chúng rút quân như: kích động, thúc ép đồng bào theo đạo Thiên chúa di cư vào Nam, phá hoại, di chuyển máy móc nguyên vật liệu trái phép...

Cuối cùng, ngày 10-10-1954, quân dân Việt Nam đã tiếp quản Thủ đô Hà Nội; ngày 30-10-1954, tiếp quản Thị xã Hải Dương; ngày 13-5-1954, tiếp quản thành phố Hải Phòng; ngày 16-5-1955, toàn bộ quân viễn chinh Pháp và tay sai rời đảo Cát Bà, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng.

Việc khôi phục sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp và giao thông vận tải cũng hoàn thành.

Công tác giảm tô, giảm túc và cải cách ruộng đất được tiếp tục đẩy mạnh. Đến tháng 7-1956, cuộc cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành, chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến ở miền Bắc đến đây bị xóa bỏ. Hơn 9 triệu người trong hơn 2 triệu hộ nông dân lao động được chia hơn 810.000 ha ruộng đất.

Đảng chỉ đạo đẩy mạnh cải tạo XHCN:

Chủ trương:

Về đánh giá quá trình thực hiện khôi phục kinh tế: *Hội nghị lần thứ 10* (mở rộng) Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 9-1956) về việc thi hành kỷ luật đối với một số đồng chí Trung ương phạm sai lầm trong công tác cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. *Hội nghị lần thứ 13* Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 12-1957) đánh giá thắng lợi về khôi phục kinh tế.

Về xác định kế hoạch nhiệm vụ cải tạo XHCN: *Hội nghị lần thứ 14* Ban chấp hành Trung ương Đảng (11-1958) đã thông qua kế hoạch ba năm phát triển kinh tế, văn hóa và cải tạo XHCN đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư doanh (1958-1960). Hội nghị chủ trương tiến hành cải tạo kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và buôn bán nhỏ, kinh tế tư bản tư doanh thành kinh tế XHCN bằng cách chuyển sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất sang sở hữu tập thể XHCN dưới hai hình thức toàn dân và tập thể; củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Tháng 4-1959, *Hội nghị lần thứ 16* Ban chấp hành Trung ương Đảng thông qua Nghị quyết về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp xác định hình thức và bước đi: Hợp tác hóa đi trước cơ giới hóa. Ba nguyên tắc cần giải quyết trong xây dựng hợp tác xã là tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Nghị quyết cũng nêu vấn đề cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Kết quả: Kết quả của ba năm phát triển kinh tế - văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960) đã tạo nên những chuyển biến tích cực trong nền kinh tế và xã hội ở miền Bắc nước ta. Miền Bắc được củng cố, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội và trở thành hậu phương ổn định, vững mạnh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

❖ Miền Nam

Âm mưu, thủ đoạn của Mỹ - Diệm

Lợi dụng sự thất bại và khó khăn của Pháp, đế quốc Mỹ đã nhảy vào thay chân Pháp thống trị miền Nam Việt Nam, với âm mưu biến miền Nam Việt Nam trở thành thuộc địa mới, xây dựng miền Nam thành một căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc và hệ thống XHCN, chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam thành một mắt xích quan trọng trong hệ thống căn cứ quân sự ở Đông Nam Á nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của CNXH xuống vùng này. Để thực hiện âm mưu đó Mỹ sử dụng nhiều thủ đoạn về kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa nhất là nhanh chóng thiết lập bộ máy chính quyền tay sai Việt Nam Cộng hòa do Ngô Đình Diệm làm Tổng thống.

Chủ trương của Đảng

Tháng 9-1954, Nghị quyết Bộ chính trị nêu rõ 3 nhiệm vụ cụ thể, trước mắt của cách mạng miền Nam là: đấu tranh đòi Mỹ thi hành hiệp định Ginevo; chuyển hướng công tác cho phù hợp với điều kiện mới; tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình đấu tranh nhằm lật đổ chính quyền bù nhìn thân Mỹ, hoàn thành thống nhất Tổ quốc.

Tháng 8-1956, đồng chí Lê Duẩn đã soạn thảo bản “Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở Miền Nam”, bản Dự thảo nêu rõ: chế độ thống trị ở miền Nam là độc tài, phát xít, hiếu chiến. Nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình là con đường cách mạng.

Tháng 3-1959, chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố “đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh”. Với Luật Phát xít 10/59 đưa máy chém lê khắp miền Nam. Điều đó làm cho mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ và tay sai với nhân dân miền Nam càng thêm gay gắt.

Tháng 01-1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban chấp hành Trung ương Đảng, trên cơ sở phân tích đặc điểm, tình hình nước ta, Đảng chỉ ra mâu thuẫn và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới. Điểm đặc biệt là Hội nghị 15 là: xác định phương pháp cách mạng và phương thức đấu tranh là dùng bạo lực cách mạng. Hội nghị xác định từ đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang; dự kiến xu hướng phát triển từ khởi nghĩa của nhân dân có thể tiến lên cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ.

Hội nghị lần thứ 15 là một mốc lịch sử vô cùng quan trọng. Nghị quyết đã đề ra một cách toàn diện đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Đánh dấu bước phát triển mới về tư duy lý luận và chỉ đạo thực tiễn của

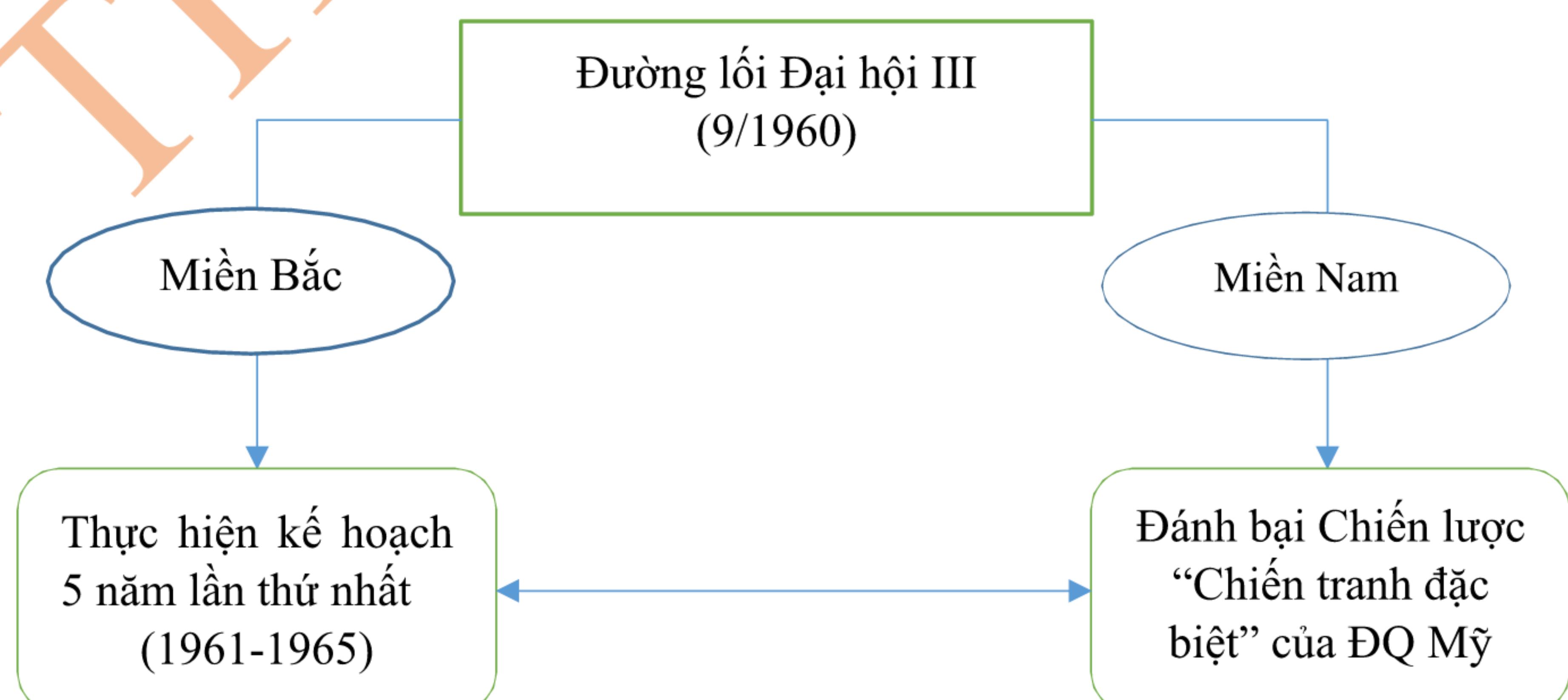
Đảng ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhằm mục tiêu chiến lược giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Những quyết sách về đường hướng phát triển của cách mạng miền Nam mà Hội nghị đưa ra phản ánh đúng tình thế chín muồi của cách mạng miền Nam, đáp ứng được yêu cầu bức thiết của thực tế tình hình lúc bấy giờ, phù hợp với nguyện vọng tha thiết của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ và phù hợp với xu thế phát triển tất yếu của cách mạng miền Nam.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 15 của Đảng, đường vận tải trên bộ mang tên đường 559 (thành lập 19-5-1959 nên được gọi là đường Hồ Chí Minh), trên biển mang tên đường 759 (thành lập 23-10-1959) được thành lập và đi vào hoạt động góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Đứng trước tình hình đó, đêm 2 tháng 1 năm 1960, ban lãnh đạo tỉnh Bến Tre họp tại xã Tân Trung, quyết định: "phát động một tuần lễ toàn dân đồng khởi, diệt ác ôn, phá thế kìm kẹp, giải phóng nông thôn, làm chủ ruộng vườn" và quyết định khởi nghĩa thống nhất từ ngày 17 tháng 1 đến ngày 25 tháng 1. Phong trào bắt đầu từ huyện Mỏ Cày (Bến Tre). Phong trào Đồng Khởi do đồng chí Nguyễn Thị Định lãnh đạo. Đến cuối năm 1960, phong trào Đồng Khởi đã lan rộng ra khắp miền Nam, làm tan rã cơ cấu chính quyền cơ sở địch ở nhiều vùng nông thôn. Thắng lợi của phong trào Đồng Khởi đã chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ.

Ngày 20-12-1960, tại xã Tân Lập (Tây Ninh), Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập.

b. Xây dựng CNXH ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam (1961-1965)



❖ **Đại hội Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960)**

Bối cảnh lịch sử:

Trong bối cảnh miền Bắc đã giải phóng, hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ; miền Nam Mỹ - Diệm đang từng bước thực hiện âm mưu xâm lược. Với tình hình phức tạp, Đảng phải có những lựa chọn sáng suốt, phù hợp với hoàn cảnh đất nước.

Từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. Dự Đại hội có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết, thay mặt hơn 50 vạn Đảng viên trong cả nước. Trong diễn văn khai mạc Đại hội, Hồ Chí Minh nêu rõ: "*Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà*". Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đường lối chung của cách mạng cả nước:

Nhiệm vụ cách mạng hai miền: Một là, đẩy mạnh cách mạng XHCN ở miền Bắc. Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Về mục tiêu chiến lược chung: Đại hội cho rằng, cách mạng ở miền Bắc và cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, có mục tiêu cụ thể riêng, song trước mắt đều hướng vào mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

Về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền, Đại hội nêu rõ: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau, nên giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Về nguyên tắc chiến lược: Đại hội chủ trương kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà, vì chủ trương đó phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân cả nước ta cũng như của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Song ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế. Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai liều lĩnh gây ra chiến tranh hòng

xâm lược miền Bắc, thì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đứng lên đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc.

Về triển vọng của cách mạng: chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài. Thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta, Nam - Bắc nhất định sum họp một nhà.

Đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc:

Đặc điểm của Miền Bắc: từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa

Nội dung cách mạng XHCN ở miền Bắc: là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt. Đó là quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường, con đường XHCN và con đường TBCN trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Phương pháp tiến hành: sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh; phát triển thành phần kinh tế quốc doanh;

Nội dung Công nghiệp hóa: Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được xem là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ ở nước ta nhằm xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Thực hiện công nghiệp hóa bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật. Mục tiêu là biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến.

Đặt trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, đường lối chung của Đảng thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong việc giải quyết những vấn đề chưa có trong tiền lệ lịch sử, vừa đúng với thực tiễn Việt Nam vừa phù hợp với lợi ích của nhân loại và xu thế của thời đại.

Tuy nhiên, đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có hạn chế là nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn giản đơn, chưa có dự

kiến về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu và bước đi còn quá cao, không phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam.

Quá trình thực hiện đường lối của Đại hội III: Xây dựng CNXH ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam (1961-1965)

Ở miền Bắc: Triển khai thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), nhiều cuộc vận động và phong trào thi đua được triển khai sôi nổi ở các ngành, các giới và các địa phương.

Trong nông nghiệp có phong trào thi đua theo gương của Hợp tác xã *Đại Phong* (Lệ Thủy, Quảng Bình), trong công nghiệp có phong trào thi đua với Nhà máy cơ khí *Duyên Hải* (Kiến An, Hải Phòng), trong tiểu thủ công nghiệp có phong trào thi đua với Hợp tác xã thủ công nghiệp *Thành Công* (Nga Sơn, Thanh Hóa), trong ngành giáo dục có phong trào thi đua học tập Trường cấp II *Bắc Lý* (Lư Nhân, Hà Nam), trong quân đội có phong trào thi đua "Ba nhất" (cao nhất, nhanh nhất, đều nhất), v.v... Đặc biệt, phong trào "Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt".

Kế hoạch Năm năm lần thứ nhất (1961-1965) mới thực hiện được hơn bốn năm (tính đến 5-8-1964) thì phải chuyển hướng do phải đối phó với chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, song những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch đã cơ bản hoàn thành. Miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã không ngừng tăng cường chi viện cho cách mạng miền Nam, thực hiện khôi phục, cải tạo và xây dựng chế độ mới. Miền Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng cả nước với chế độ chính trị ưu việt với lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh.

Ở miền Nam: Đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ
Thủ đoạn của Đế quốc Mỹ:

Từ năm 1961, do thất bại trong “Chiến tranh đơn phương”, Mỹ đã chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” với công thức: cố vấn, vũ khí Mỹ và quân chủ lực Việt Nam cộng hòa. Thực hiện kế hoạch bình định miền Nam trong vòng 18 tháng, dự định lập 17.000 áp chiến lược là “quốc sách”. Chiến lược quân sự được chúng sử dụng là “trực thăng vận và thiết xa vận”.

Chỉ đạo của Đảng:

Tháng 1-1961 và tháng 2-1962, các *Hội nghị của Bộ Chính trị* đã phân tích, đánh giá tình hình giữa ta và địch ở miền Nam kể từ sau ngày Đồng khởi. Từ đó Bộ Chính trị đã ra chỉ thị về “Phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam”. Nội dung chủ yếu là:

+ Giữ vững thế chiến lược tiến công của cách mạng miền Nam.

+ Đưa đấu tranh vũ trang phát triển lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược: đô thị, nông thôn đồng bằng và nông thôn miền núi, bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị và binh vận.

Trên thực tế, đây là quyết định chuyển cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Trung ương Đảng đối với cách mạng miền Nam, tháng 10-1961, Trung ương Cục miền Nam được thành lập do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư. Ngày 15-2-1961, các lực lượng vũ trang ở miền Nam được thống nhất với tên gọi Quân giải phóng miền Nam Việt Nam

Tháng 3-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập *Hội nghị chính trị đặc biệt*, biểu thị khói đại đoàn kết và quyết tâm chiến đấu bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của toàn thể nhân dân.

Các phong trào đấu tranh về ở mọi phương diện được triển khai rộng khắp miền Nam:

Về quân sự: mở đầu là chiến thắng Ấp Bắc (Mỹ Tho). Chiến thắng Ấp Bắc (2-1-1963) đã thể hiện sức mạnh và hiệu quả của đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận, chống địch càn quét và nổi dậy giành quyền làm chủ. Sau chiến thắng này, quân và dân miền Nam đã mở và giành nhiều thắng lợi ở nhiều chiến dịch với hàng trăm trận đánh lớn nhỏ trên khắp các chiến trường.

Về phá áp chiến lược: phong trào đấu tranh phá áp chiến lược phát triển mạnh mẽ với phương châm “bám đất bám làng”, “một tắc không đi, một ly không rời”. Tính từ năm 1961 đến năm 1963, chúng ta đã phá hoàn toàn 2.895/6.161 áp chiến lược của địch, giành quyền làm chủ 12.000/17.000 thôn, giải phóng 5/14 triệu dân.

Phong trào đấu tranh quân sự và phong trào phá “áp chiến lược” phát triển đã thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị lên cao, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động, trí thức, học sinh, sinh viên và các giáo phái tham gia, đặc biệt là phong trào đấu tranh của đồng bào Phật giáo năm 1963.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, nội bộ kẻ thù ngày càng khủng hoảng trầm trọng. Ngày 01-11-1963, dưới sự chỉ đạo của Mỹ lực lượng quân đảo chính đã giết chết Tổng thống Ngô Đình Diệm và Cố vấn Ngô Đình Nhu hòng thay thế lực lượng tay sai theo kế hoạch của Mỹ. Tính từ tháng 11-

1963 đến tháng 6-1965 đã diễn ra 10 cuộc đảo chính quân sự nhằm lật đổ lẫn nhau trong nội bộ chính quyền Sài Gòn.

Các chiến dịch quân sự và phong trào đấu tranh chính trị dồn dập, có hiệu quả của quân và dân miền Nam đã làm cho ba trụ cột trong kế hoạch của Mỹ là chính quyền Sài Gòn, hệ thống “áp chiến lược” và các đô thị bị lung lay tận gốc. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ được triển khai đến mức cao nhất đã hoàn toàn bị phá sản.

Kết quả, ý nghĩa:

Đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ là một thắng lợi to lớn nữa có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta ở miền Nam. Thắng lợi này tạo cơ sở vững chắc để đưa cách mạng miền Nam tiếp tục tiến lên.

2. Đảng lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975

a. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng CNXH ở miền Bắc giai đoạn 1965-1968

Âm mưu, thủ đoạn của Mỹ

Sau khi thất bại ở “Chiến tranh đặc biệt”, Mỹ thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” - đây là một hình thức chiến tranh nằm trong chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” với biểu hiện đưa quân Mỹ và các nước Đồng minh của Mỹ vào trực tiếp tham chiến. Đồng thời, đế quốc Mỹ mở cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam nhằm làm suy yếu miền Bắc và ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam.

Chủ trương của Đảng: Trước âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã tổ chức nhiều Hội nghị, đặc biệt *Hội nghị lần thứ 11* (3-1965) và *Hội nghị lần thứ 12* (12-1965) của Đảng đã quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi cả nước và đề ra đường lối cho cuộc kháng chiến trong giai đoạn mới. Nội dung cụ thể như sau:

Quyết tâm chiến lược: từ phân tích tình hình Trung ương Đảng khẳng định chúng ta có đủ điều kiện, sức mạnh để đánh Mỹ và thắng Mỹ. Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong toàn quốc, coi chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc từ Nam chí Bắc.

Mục tiêu chiến lược của cuộc kháng chiến là kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Phương châm kháng chiến: đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh.

Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Nam: giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công. Tiếp tục kiên trì phương châm kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị. Đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng.

Về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của hai miền, Đảng xác định:

Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Cách mạng hai miền có quan hệ khăng khít, hỗ trợ nhau cùng thực hiện mục tiêu chung. Phải nắm vững mối quan hệ giữa nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam.

Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc là chuyển hướng xây dựng kinh tế, bao đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ để bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, động viên sức người sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, đồng thời tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước.

Chủ trương chuyển hướng và nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh là: Một là, kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế cho phù hợp với tình hình có chiến tranh phá hoại; Hai là, tăng cường lực lượng quốc phòng; Ba là, ra sức chi viện cho miền Nam với mức cao nhất; Bốn là, kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức cho phù hợp với tình hình mới.

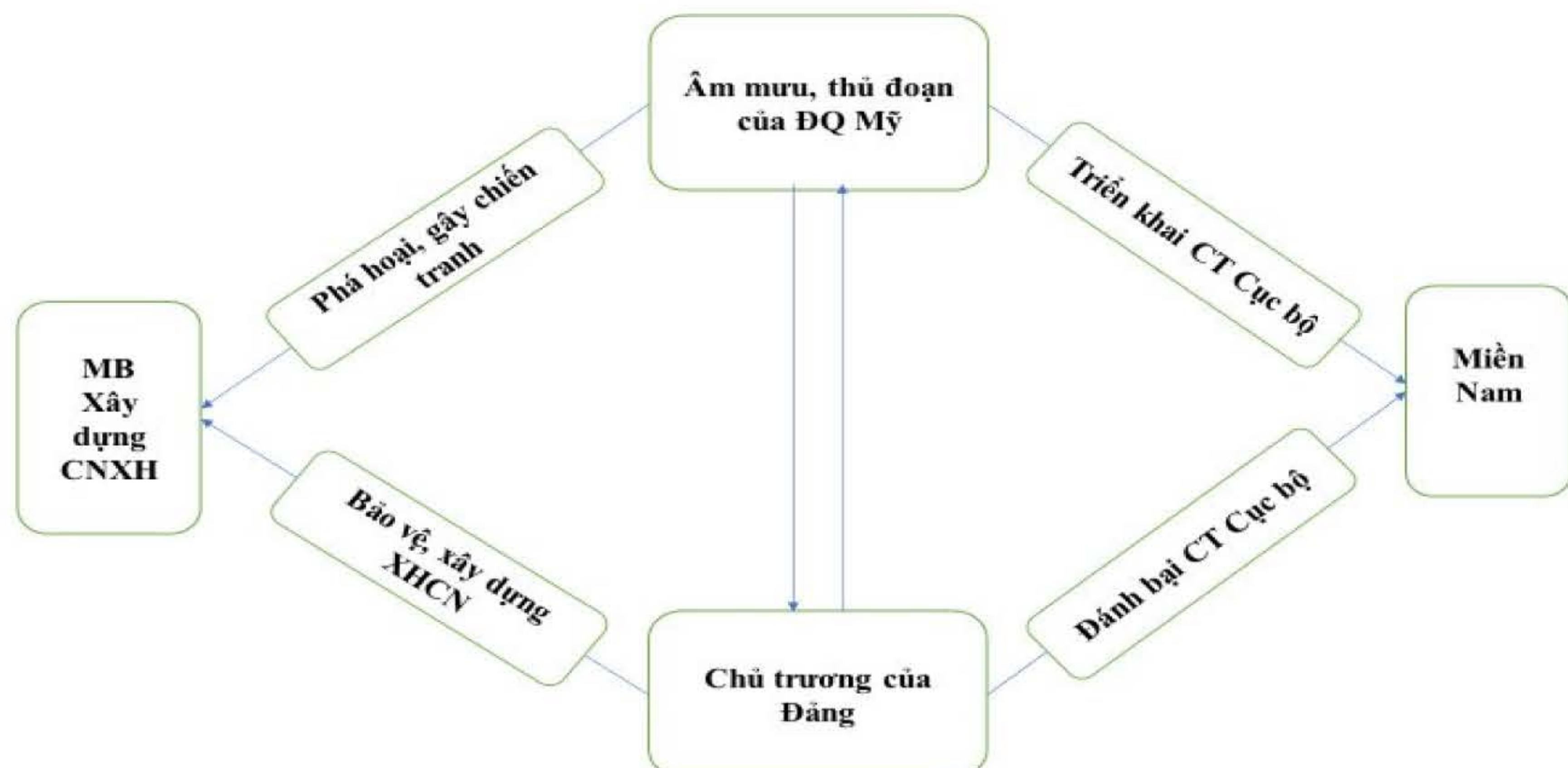
Ý nghĩa đường lối:

Đường lối thể hiện quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần độc lập tự chủ, sự kiên trì mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, phản ánh đúng đắn ý chí, nguyện vọng chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Đường lối thể hiện tư tưởng năm vững, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh ở mức độ khác nhau, phù hợp với thực tế đất nước và bối cảnh quốc tế.

Đường lối chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính được phát triển trong hoàn cảnh mới, tạo nên sức mạnh mới để dân tộc ta đủ sức đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Quá trình xây dựng hậu phương chống chiến tranh phá hoại của Đế quốc Mỹ ở miền Bắc; đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Đế quốc Mỹ ở miền Nam (1965-1968)



Ở miền Bắc:

Từ ngày 5-8-1964, Mỹ dựng sự kiện “Vịnh Bắc Bộ” nhằm lấy cớ dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc với ý đồ đưa miền Bắc trở về thời kì đồ đá, phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc, ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam, đè bẹp ý chí quyết tâm chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam.

Trong tình hình đó, miền Bắc nhanh chóng chuyển sang hoạt động trong hoàn cảnh có chiến tranh. Đó là, kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế cho phù hợp với tình hình có chiến tranh phá hoại; tăng cường lực lượng quốc phòng cho kịp với sự phát triển tình hình cả nước có chiến tranh; ra sức chi viện cho miền Nam với mức cao nhất để đánh bại địch ở chiến trường chính miền Nam; phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức cho phù hợp với tình hình mới.

Thực hiện chủ trương của Đảng và theo Lời kêu gọi của Hồ Chí Minh, quân và dân miền Bắc đã dấy lên cao trào chống Mỹ, cứu nước, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, với niềm tin tưởng và quyết tâm cao độ. Một loạt các phong trào đã được phát động như: Thanh niên có phong trào “Ba sẵn sàng”, phụ nữ có phong trào “Ba đảm đang”, nông dân có phong trào “ Tay cày tay súng”, công nhân có phong trào “ Tay búa, tay súng”, trong chiến đấu có “Nhằm thắng quân

thù mà bắn”, trong chi viện tiền tuyến có “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, trong bảo đảm giao thông vận tải có “Xe chưa qua, nhà không tiếc”,...

Kết quả sau 4 năm xây dựng CNXH ở miền Bắc là:

Nông nghiệp: Cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng cường so với trước chiến tranh; có 4.655 hợp tác xã được trang bị cơ khí nhỏ. Phong trào thâm canh tăng vụ được đẩy mạnh ở nhiều địa phương. Nhu cầu thiết yếu về lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội vẫn bảo đảm.

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp vẫn được duy trì.

Văn hóa, giáo dục, y tế, đào tạo cán bộ chẳng những không ngừng trệ mà còn phát triển mạnh mẽ trong thời chiến và đạt nhiều kết quả tốt.

Nhiệm vụ chi viện tiền tuyến được hoàn thành xuất sắc. Hàng vạn cán bộ, chiến sĩ từ miền Bắc hành quân vào Nam nhanh chóng tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968²¹.

Trong chiến đấu, quân dân miền Bắc đã bắn rơi 3.200 máy bay, bắn cháy 140 tàu chiến của địch. Miền Bắc đã đánh bại cuộc bắn phá lần thứ nhất của Đế quốc Mỹ làm cho đế quốc Mỹ bị thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc. Do vậy, tháng 3-1968, đế quốc Mỹ tuyên bố hạn chế ném bom miền Bắc. Ngày 1-11-1968, Mỹ buộc phải chấm dứt không điều kiện đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Như vậy, chế độ XHCN đang được xây dựng ở miền Bắc lúc đó đã vượt qua được nhiều thử thách nghiêm trọng, hoàn thành tốt nhiệm vụ vừa xây dựng CNXH, vừa chi viện cho miền Nam đồng thời đánh thắng âm mưu phá hoại của đế quốc Mỹ, bảo vệ thành quả cách mạng và ngày càng phát huy tính ưu việt trong chiến tranh.

Ở miền Nam: Mỹ tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” có quy mô lớn nhất, mạnh nhất kể từ sau chiến tranh thế giới thứ II.

Đầu mùa khô 1965-1966, Mỹ mở cuộc phản công vào 3 hướng chính: Tây Nguyên, đồng bằng khu V và miền Đông Nam Bộ. Quân dân ta đã giành thắng

²¹ Theo “Miền Bắc chi viện miền Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968”, báo *Nhân Dân điện tử*, ngày 17-9-2010: Năm 1968, Chính phủ đã tăng tổng ngân sách quốc phòng cho quân đội lên gấp mươi lăm năm 1964 là năm cuối của thời kỳ hòa bình trên miền Bắc, trước khi đế quốc Mỹ gây chiến tranh phá hoại. Năm 1968, các nước xã hội chủ nghĩa, chủ yếu là Liên Xô, Trung Quốc viện trợ cho ta 517.493 tấn vật chất-kỹ thuật, tính thành tiền trị giá hơn 1.615 triệu rúp (1 rúp có giá trị tương đương 1 USD).

lợi ở Núi Thành (501965), Vạn Tường (8-1965)...bẻ gãy cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966. Sau chiến thắng Vạn Tường, một cao trào đánh Mỹ, diệt ngụy được dấy lên mạnh mẽ khắp chiến trường miền Nam.

Cùng với thắng lợi về quân sự, quân và dân ta còn giành được nhiều thắng lợi trên mặt trận chống phá “bình định” của Mỹ - Ngụy. Toàn bộ kế hoạch lập 900 áp chiến lược mới và củng cố hàng chục ngàn áp chiến lược cũ của địch trong năm 1966 bị thất bại.

Mùa khô 1966-1967, Mỹ mở cuộc tiến công lần thứ 2 nhằm hướng vào Tây Nguyên và Sài Gòn. Thế nhưng, tất cả các cuộc hành quân quy mô lớn của địch đều bị bẻ gãy và bị tổn thất nặng nề²².

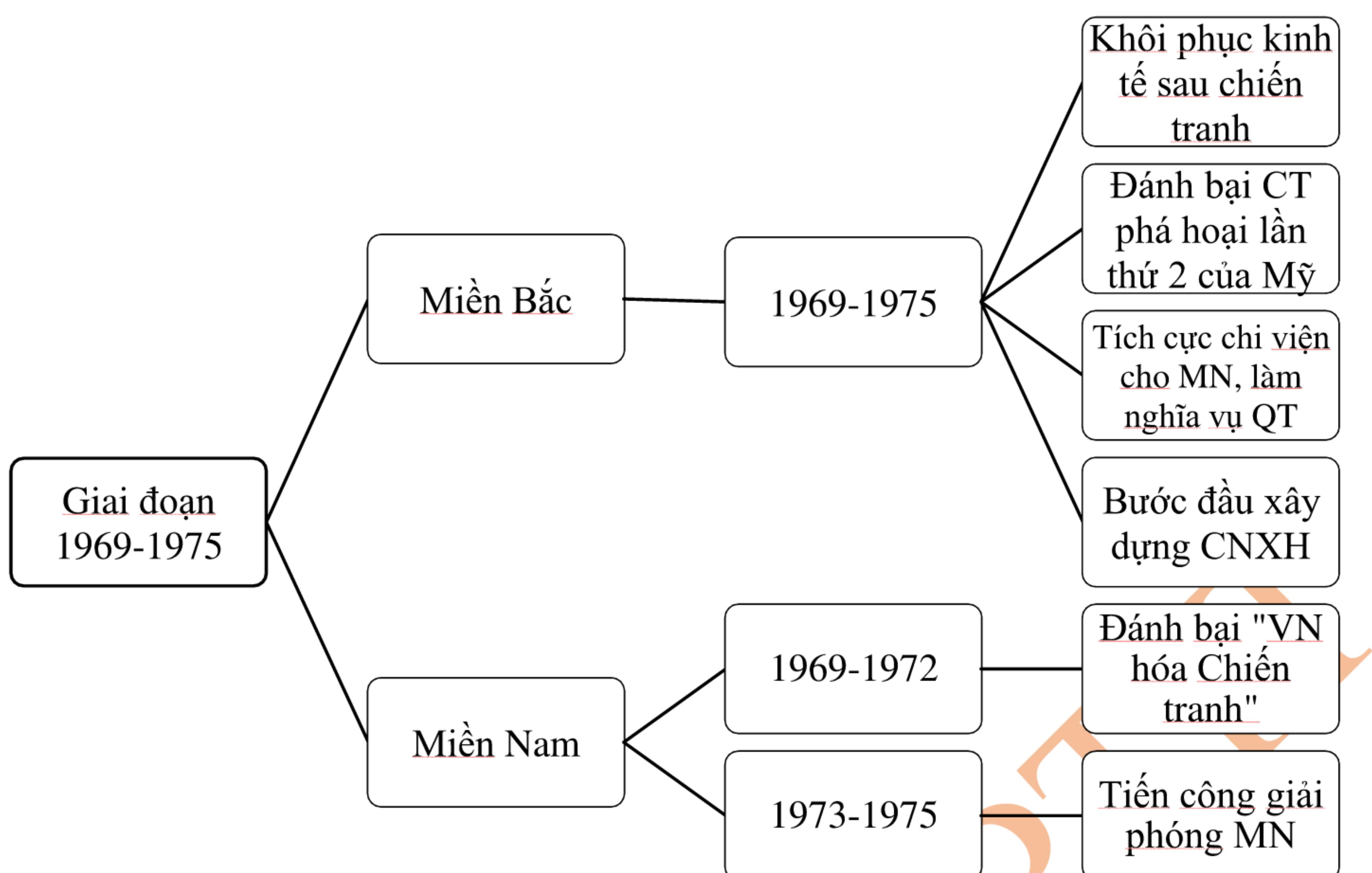
Những thất bại và khó khăn của địch cùng với những thắng lợi to lớn của ta đã mở ra cho miền Nam những triển vọng lớn. Tháng 12-1967, Bộ Chính trị đã ra một nghị quyết lịch sử, chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới, thời kỳ tiến lên giành thắng lợi quyết định bằng phương pháp tổng công kích-tổng khởi nghĩa vào tất cả các đô thị, dinh lũy của Mỹ-ngụy trên toàn miền Nam. Nghị quyết này của Bộ Chính trị đã được Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) họp tháng 1-1968 thông qua.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng, đêm 30 rạng ngày 31-1-1968, đúng vào dịp giao thừa Tết Mậu Thân, quân ta đồng loạt tiến công và nổi dậy: đợt 1: tấn công 4/6 thành phố, 37/42 thị xã và hàng trăm thị trấn, thị xã; từ Đường 9 Khe Sanh đến Đồng Bằng Sông Cửu Long, đặc biệt mạnh mẽ ở Sài Gòn và Huế.

Trong các đợt tiến công tiếp theo vào tháng 5 và tháng 8-1968 ở hầu hết các cơ quan đầu não của địch từ Trung ương đến địa phương. Đây là thất bại chiến lược có tính chất bước ngoặt khởi đầu đi đến quá trình thất bại hoàn toàn của Mỹ. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ bị phá sản, buộc phải chấp nhận đàm phán với Việt Nam tại Hội nghị Pari từ ngày 13-5-1968.

b. Khôi phục kinh tế, bảo vệ miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc giai đoạn 1969-1975

²² Có 175.000 quân Mỹ - ngụy và chư hầu bị loại khỏi vòng chiến đấu, 49 tiểu đoàn (28 tiểu đoàn Mỹ) bị tiêu diệt, 1.800 máy bay, 1.786 xe tăng và 100 tàu xuồng bị phá hủy, bắn cháy, bắn chìm.



Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, hưởng thọ 79 tuổi. Vĩnh biệt chúng ta, Người đã để lại một bản Di chúc lịch sử - là những lời căn dặn cuối cùng, những tình cảm và niềm tin của Người đối với thế hệ hiện tại và các thế hệ mai sau. Với lòng tưởng nhớ và biết ơn sâu sắc vị lãnh tụ tối cao của Đảng và dân tộc, trong buổi lễ truy điệu trọng thể tại Quảng trường Ba Đình, trước anh linh của Người, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đọc Điều văn khái quát toàn bộ sự nghiệp vĩ đại của chủ tịch Hồ Chí Minh và đọc lời thề son sắt, bày tỏ quyết tâm thực hiện đầy đủ những điều căn dặn trong Di chúc của Người.

❖ Miền Bắc:

Miền Bắc đã khẩn trương khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng CNXH. Những kết quả đạt được đã làm cho tiềm lực mọi mặt của hậu phương lớn miền Bắc được tăng cường, cải thiện đời sống nhân dân, hồi sinh một bước cuộc sống bình thường, cho phép miền Bắc chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến ngày càng cao, góp phần quyết định tạo nên chiến thắng to lớn trên chiến trường miền Nam.

Tháng 4-1972, đế quốc Mỹ cho máy bay, tàu chiến tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ 2 hết sức ác liệt, nhất là cuộc rải bom bằng pháo đài B52 trong 12 ngày đêm ở Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác. Trong 9 tháng chống chiến tranh phá hoại lần 2 của đế quốc Mỹ thì trận 12 ngày đêm, quân và dân miền Bắc đã lập nên thắng lợi “Điện Biên Phủ trên

không” đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ. Chiến thắng “Điện Biên phủ trên không” thể hiện đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn của Đảng cộng sản Việt Nam. Đó là chiến thắng của sức mạnh chính trị, tinh thần của toàn dân tộc, với ý chí quyết đánh, dám đánh và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Đây cũng là chiến thắng của đường lối chiến tranh nhân dân và nghệ thuật tổ chức sử dụng lực lượng trong thế trận Phòng không nhân dân. Như Trung tướng Lê Huy Vinh khẳng định đây là lần đầu tiên trong lịch sử, siêu pháo đài bay B52 thất trận và không quân Mỹ phải chịu thiệt hại nặng nề nhất.

Ngày 15-1-1973, chính phủ Mỹ phải tuyên bố ngừng mọi hoạt động phá hoại miền Bắc và trở lại bàn đàm phán và ký với chúng ta ở Pari. Sau ngày Hiệp định Pari được ký kết, miền Bắc được hòa bình, Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch hai năm (1974-1975) khôi phục và phát triển kinh tế.

Đến năm 1975, hầu hết các cơ sở kinh tế đã trở lại hoạt động bình thường, đời sống nhân dân được ổn định và cải thiện.

Miền Bắc còn hoàn thành nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam và hoàn thành nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và Campuchia. Tính tổng thể, hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã bảo đảm 80% bộ đội chủ lực, 70% vũ khí và lương thực, 65% thực phẩm cho chiến trường miền Nam, nhất là ở giai đoạn cuối.

❖ Miền Nam

Giai đoạn 1969-1972:

Âm mưu của đế quốc Mỹ: Từ đầu 1969, Tổng thống Mỹ Nixon đề ra chiến lược toàn cầu mới với ba nguyên tắc trụ cột: cùng chia sẻ, sức mạnh của Mỹ, sẵn sàng thương lượng; đây là một chiến lược mới mang tên “Việt Nam hóa chiến tranh”. Các biện pháp đưa ra: ra sức củng cố chính quyền, xây dựng ngụy quân đồng và hiện đại, ráo riết thực hiện chương trình bình định, tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, tìm cách thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô hòng cắt giảm nguồn viện trợ chủ yếu cho Việt Nam.

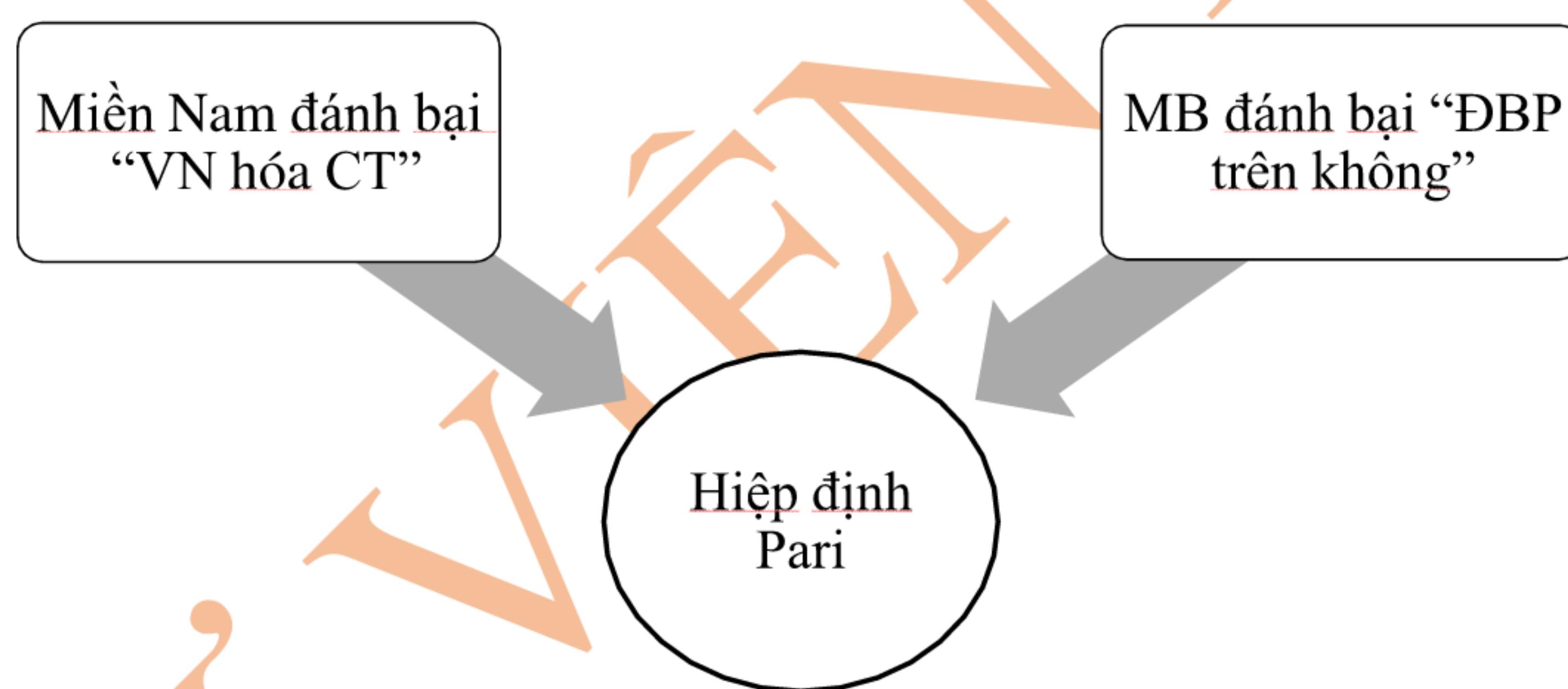
Chủ trương của Đảng: Hội nghị lần thứ 18 Ban chấp hành Trung ương Đảng (1-1970) đề ra: lấy nông thôn làm hướng tiến công chính, tập trung ngăn chặn đẩy lùi chương trình “bình định” của địch. Trong 2 năm 1970-1971, cách mạng miền Nam từng bước vượt qua khó khăn nhằm làm thát bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh, Đông Dương hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ.

Đầu 1970, Mỹ và quân ngụy Lào mở cuộc hành quân lấn chiếm khu vực Cảnh Đồng Chum. Tháng 3-1970, Mỹ tiến hành đảo chính ở Campuchia nhằm biến Campuchia thành thuộc địa kiểu mới, xóa bỏ căn cứ và bàn đạp chiến lược.

Năm 1971, quân và dân miền Nam phối hợp với quân và dân Lào chủ động đánh bại cuộc hành quân quy mô lớn “Lam Sơn 719” của Mỹ - Ngụy. Cùng thời gian đó, quân và dân ta phối hợp với quân dân Campuchia đập tan cuộc hành quân “Toàn thắng 1-1971”.

Xuân hè 1972, quân ta mở cuộc tấn công từ hướng chủ yếu là Trị - Thiên, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, khu V, đồng bằng sông Cửu Long.

Kết quả: Những thắng lợi quân sự nói trên, cùng với những thắng lợi của nhân dân miền Nam trong việc đánh phá kế hoạch “bình định” của địch đã mở ra khả năng thực tế đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ. Quân ngụy Sài Gòn - “xương sống” của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” đã bị suy yếu nghiêm trọng.



Trước sự thất bại của Mỹ trên cả hai miền đất nước Việt Nam, cuộc đấu tranh ngoại giao trên bàn Hội nghị Pari đã kéo dài gần 4 năm 9 tháng với 202 phiên họp công khai, 45 cuộc gặp riêng cấp cao, 500 cuộc họp báo, 1.000 cuộc phỏng vấn đã kết thúc vào ngày 27-1-1973 với việc ký kết “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam”.

Đế quốc Mỹ chấp nhận rút khỏi Việt Nam nhưng vẫn âm mưu tiếp tục tiến hành chiến tranh để áp đặt chủ nghĩa thực dân mới và chia cắt lâu dài Việt Nam.

Giai đoạn 1973-1975:

Âm mưu, thủ đoạn của Mỹ: với bản chất ngoan cố, hiếu chiến, đế quốc Mỹ không chịu từ bỏ dã tâm xâm lược Việt Nam. Một trong những mục tiêu chiến tranh mà Mỹ - Ngụy đề ra trong kế hoạch 3 năm (1973-1976) là chiếm lại toàn bộ vùng giải phóng của ta, xóa bỏ hình thái “da báo” ở miền Nam, nhằm biến miền Nam thành một quốc gia riêng biệt, lệ thuộc vào Mỹ.

Đảng chỉ đạo từng bước đánh bại âm mưu, thủ đoạn của Mỹ

Tháng 7-1973, *Hội nghị lần thứ 21* của Ban chấp hành Trung ương khóa III của Đảng đã nêu rõ con đường cách mạng của nhân dân miền Nam là con đường bạo lực cách mạng.

Từ cuối năm 1973 và cả năm 1974, quân và dân ta ở miền Nam đã liên tiếp giành được thắng lợi to lớn trên khắp các chiến trường, từ Trị - Thiên đến Tây Nam Bộ và vùng ven Sài Gòn, phá vỡ từng mảng lớn kế hoạch “bình định” của địch, mở rộng thêm nhiều vùng giải phóng, tiêu diệt nhiều cụm cứ điểm, chi khu, quận lỵ, bức rút nhiều đồn bốt, đồn địch vào thế đối phó lúng túng, bị động. Đặc biệt, ngày 6-1-1975, quân ta đánh chiếm thị xã Phước Long giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long, địch không có khả năng đánh chiếm trở lại - khẳng định chưa bao giờ ta có điều kiện đầy đủ về quân sự, chính trị, có thời cơ chiến lược to lớn như vậy.

Trên cơ sở thuận lợi của tình hình miền Nam, *Hội nghị Bộ Chính trị* đợt 1 (từ ngày 30-9 đến ngày 8-10-1974) và đợt 2 (từ ngày 8-12-1974 đến ngày 7-1-1975) đề ra quyết tâm giải phóng miền Nam với kế hoạch hai năm 1975-1976: năm 1975 tranh thủ bắt ngòi tấn công lớn và rộng khắp, tạo điều kiện để năm 1976 tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Ngoài kế hoạch nói trên, Bộ Chính trị còn dự kiến một phương hướng hành động linh hoạt là nếu thời cơ đến, vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng do Bí thư thứ nhất Lê Duẩn đứng đầu và Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng tư lệnh đứng đầu là Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có những quyết sách chiến lược kịp thời, đúng đắn.

Chấp hành quyết định chiến lược nói trên, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã diễn ra trên toàn miền Nam, trong đó quyết định là ba đòn tiến công chiến lược lớn. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 bắt đầu bằng Chiến dịch Tây Nguyên, mở đầu tiến công vào thị xã Buôn Ma Thuột là đòn điểm trúng huyệt địch, làm đảo lộn thế trận phòng thủ của địch vì vậy ngày 10-3-1975 đã giành được thắng lợi hoàn toàn.

Sau chiến dịch Tây Nguyên, ngày 18-3-1975, Bộ chính trị quyết định giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

Ngay sau đó, Đảng chủ trương tiến hành đòn chiến lược tiến công thứ hai, giải phóng thành phố Huế. Ngày 21-3-1975, chiến dịch giải phóng thành phố Huế bắt đầu. Ngày 26-3-1975, thành phố Huế được giải phóng. Tiếp đó, ngày

29-3-1975, Đà Nẵng được giải phóng. Trên đà thắng lợi đó Bộ chính trị quyết tâm giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975, với mệnh lệnh: “thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa”.

Ngày 26-4-1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định bắt đầu. Từ năm hướng các quân đoàn đồng loạt tiến công Sài Gòn. Từ 26 đến 28-4, ta chọc thủng tuyến phòng ngự vòng ngoài, đập tan sự kháng cự của các sư đoàn địch, tiếp cận Sài Gòn. Địch bị rối loạn hoàn toàn về chiến lược. Từ chiều 28-4, các tướng Ngụy tháo chạy ra nước ngoài.

Ngày 29-4, quân ta tổng tiến công. Các binh đoàn bộ đội hợp thành tiến công trong hành tiến, tiêu diệt các cánh quân địch ngăn chặn và phản kích, nhằm thăng các mục tiêu đã được phân công.

Sáng 30-4, trong thế thua đã rõ ràng, địch xin ngừng bắn, bộ đội ta vẫn kiên quyết tiến công. Các quân đoàn nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu. 11h30 ngày 30-4, sau khi Dinh Độc Lập thất thủ, Tổng thống ngụy Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, lá cờ chiến thắng được cắm trên Dinh Độc Lập.

Ngày 1-5, toàn bộ lực lượng còn lại của quân ngụy tan rã, ta giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Ngày 2-5-1975, cuộc chiến đấu giải phóng ở các địa phương còn lại ở Đồng bằng sông Cửu Long và các đảo, quần đảo ở Biển Đông đã kết thúc thắng lợi²³.

Kết quả: Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 của quân dân ta đã toàn thắng, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc.

3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)

a. Ý nghĩa

Đây là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, mở ra kỉ nguyên mới cho dân tộc, kỷ nguyên hòa bình, thống nhất, cùng chung một nhiệm vụ chiến lược đi lên CNXH

Làm thất bại âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhất, dài ngày nhất, ác liệt nhất, tổn kém nhất của chủ nghĩa đế quốc Mỹ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một vòng tuyế quan trọng của chúng ở khu

²³ Trừ quần đảo Hoàng Sa đã bị Trung Quốc đánh chiếm từ quân đội Sài Gòn năm 1974.

vực Đông Nam Á, mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới, cỗ vũ phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới.

b. Nguyên nhân thắng lợi

Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, sự đoàn kết, phấn đấu hy sinh của đồng bào và chiến sĩ cả nước. Nhờ sức mạnh của chế độ XHCN ở miền Bắc cả về chính trị, tinh thần và vật chất với tư cách là hậu phương lớn; đặc biệt là tinh thần quả cảm, anh dũng, kiên cường của quân dân miền Nam; kết quả của tình đoàn kết chiến đấu của quân dân Việt Nam - Lào - Campuchia; sự giúp đỡ của các nước XHCN và sự ủng hộ nhiệt tình của phong trào công nhân và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.

c. Kinh nghiệm

Một là, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ

Hai là, tìm ra phương pháp đấu tranh đúng đắn, sáng tạo, thực hiện khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân, sử dụng phương pháp cách mạng tổng hợp.

Ba là, phải có công tác tổ chức chiến đấu giỏi của các cấp bộ Đảng và các cấp chi ủy quân đội, thực hiện giành thắng lợi từng bước đến thắng lợi hoàn toàn

Bốn là, hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và tổ chức xây dựng chiến đấu trong cả nước, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế.

Câu hỏi củng cố kiến thức

1. Đường lối và sự chỉ đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1946-1954?
2. Đường lối và sự chỉ đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ 1954-1975?
3. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước?
4. Những thành quả xây dựng CNXH ở miền Bắc 1954-1975?
5. Vai trò của quân dân miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975?